

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHƯA HỢP NHẤT QUÍ 3 NĂM 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2010

	Chi tiêu	Quý 3		Tích lũy đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	367.692.215.566	360.883.026.074	1.084.294.129.718	1.011.462.334.251
2	Các khoản giảm trừ				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	367.692.215.566	360.883.026.074	1.084.294.129.718	1.011.462.334.251
4	Giá vốn hàng bán	329.747.410.506	297.778.049.263	987.081.552.676	890.528.312.562
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	37.944.805.060	63.104.976.811	97.212.577.042	120.934.021.689
6	Doanh thu hoạt động tài chính	45.450.073.890	43.054.916.761	119.404.409.677	95.249.271.424
7	Chi phí tài chính	47.964.739.226	8.005.627.772	109.473.195.159	(5.114.030.515)
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	27.526.471.759	8.692.849.071	52.852.935.554	27.549.980.592
8	Chi phí bán hàng	276.352.056	170.599.888	617.720.275	497.235.696
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.392.024.394	10.448.736.808	43.397.795.570	46.194.552.922
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.761.763.274	87.534.929.104	63.128.275.715	174.605.535.010
11	Thu nhập khác	474.771.173	1.080.602.676	44.484.337.565	8.949.866.985
12	Chi phí khác	370.038.479	8.500.095	6.481.926.020	5.319.286.768
13	Lợi nhuận khác	104.732.694	1.072.102.581	38.002.411.545	3.630.580.217
14	Lợi nhuận trước thuế	22.866.495.968	88.607.031.685	101.130.687.260	178.236.115.227
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	981.609.497		11.441.539.346	
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(1.954.158.206)	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.884.886.471	88.607.031.685	91.643.306.120	178.236.115.227

T.p Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán



Đỗ Văn Minh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY CP GEMADEPT CHƯA HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHƯA HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.268.732.029.155	756.387.229.322
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.355.201.247.526	92.732.327.324
1. Tiền	111		263.234.199.526	92.732.327.324
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.091.967.048.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		250.637.700.656	138.622.560.256
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	291.152.257.162	170.519.121.505
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(40.514.556.506)	(31.896.561.249)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		504.062.123.049	425.945.946.057
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	246.075.268.971	288.625.438.099
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	74.315.969.507	4.964.760.644
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	184.499.943.893	133.184.806.636
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(829.059.322)	(829.059.322)
IV. Hàng tồn kho	140		25.592.994.229	27.856.801.618
1. Hàng tồn kho	141	V.8	25.592.994.229	27.856.801.618
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		133.237.963.695	71.229.594.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	11.108.639.652	2.303.301.804
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		971.788.915	955.615.844
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	-	3.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	121.157.535.128	67.967.676.419



Cho quý 3 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 10 năm 2010

Bảng cân đối kế toán chưa hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.245.486.265.607	2.170.738.320.850
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		254.250.000.000	24.800.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		254.250.000.000	24.800.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		720.581.115.429	772.945.094.438
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	655.214.718.012	714.195.090.277
Nguyên giá	222		1.113.804.633.130	1.122.423.332.013
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(458.589.915.118)	(408.228.241.736)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	8.258.018.268	11.231.556.573
Nguyên giá	225		23.890.768.666	23.890.768.666
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.632.750.398)	(12.659.212.093)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	15.227.415.354	19.078.800.335
Nguyên giá	228		17.088.946.867	20.154.251.867
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.861.531.513)	(1.075.451.532)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	41.880.963.795	28.439.647.253
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	254.067.297.219	262.211.533.407
Nguyên giá	241		279.448.439.795	278.948.439.795
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(25.381.142.576)	(16.736.906.388)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		977.543.132.803	1.064.962.782.537
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	473.226.376.362	469.809.521.512
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	272.772.049.573	260.856.533.757
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	272.611.851.094	368.363.871.494
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(41.067.144.226)	(34.067.144.226)
V. Tài sản dài hạn khác	260		39.044.720.156	45.818.910.468
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	1.744.438.373	7.352.471.254
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.22	433.174.663	1.387.027.094
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.23	36.867.107.120	37.079.412.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.514.218.294.762	2.927.125.550.172

05908
CÔNG
Ố PH
LY LIÊN
AN CHU

Cho quý 3 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 10 năm 2010

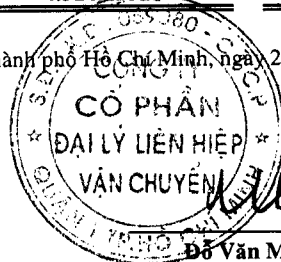
Bảng cân đối kế toán chưa hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.189.598.786.288	840.757.633.849
I. Nợ ngắn hạn		310		959.671.149.989	605.999.994.920
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.24	558.187.440.857	204.618.868.697
2. Phải trả người bán		312	V.25	132.680.131.883	131.292.107.654
3. Người mua trả tiền trước		313	V.26	9.323.751.713	10.818.608.373
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.27	7.372.369.964	6.934.019.243
5. Phải trả người lao động		315	V.28	2.198.107.588	12.895.318.000
6. Chi phí phải trả		316	V.29	17.144.898.926	37.557.168.343
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.30	217.388.208.325	196.832.455.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320	V.31	-	1.648.316.717
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		327		15.376.240.733	3.403.132.893
II. Nợ dài hạn		330		229.927.636.299	234.757.638.930
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.32	23.255.334.552	24.531.675.907
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.33	206.672.301.747	206.672.301.747
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.34	-	2.908.010.637
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.35	-	645.650.639
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		3.324.619.508.474	2.086.367.916.322
I. Vốn chủ sở hữu		410		3.324.619.508.474	2.086.367.916.322
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.36	949.398.510.000	475.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.36	2.052.893.480.400	1.366.907.462.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.36	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		2.790.944.659	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.36	23.765.156.863	13.410.665.221
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	V.36	20.651.091.956	10.296.600.315
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.36	205.731.941.694	151.364.805.484
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		431	V.37	-	-
2. Nguồn kinh phí		432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		4.514.218.294.762	2.927.125.550.171

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2010



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY CP GEMADEPT CHƯA HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHƯA HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ KỲ NÀY	SỐ ĐẦU NĂM
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		101.130.687.260	218.434.787.764
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		70.573.657.403	100.033.089.552
- Các khoản dự phòng	03		13.969.678.540	(191.813.851.890)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		10.569.755.190	(9.625.514.578)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(39.204.148.158)	(3.819.858.356)
- Chi phí lãi vay	06		52.852.935.554	35.440.526.735
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		209.892.565.789	148.649.179.227
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(116.477.462.896)	133.525.306.320
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.263.807.389	(10.213.185.013)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.079.103.004)	(38.109.102.084)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.197.304.967)	16.875.379.023
- Tiền lãi vay đã trả	13		(46.013.104.067)	(37.104.922.244)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.000.000.000)	(180.699.958)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		62.321.749.588	61.409.593.004
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(52.146.280.000)	(64.002.637.774)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42.564.867.832	210.848.910.501
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(70.654.063.230)	(159.830.022.549)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.751.636.363	6.485.019.602
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(2.800.476.881)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			2.248.060.386
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(396.119.240.634)	(753.277.170.657)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		133.859.344.293	538.341.776.457
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.733.933.135	114.503.469.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(288.428.390.073)	(254.329.344.109)



Quý 3 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ KỲ NÀY	SỐ ĐẦU NĂM
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		1.160.384.528.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		601.900.235.235	509.498.543.131
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(248.331.663.075)	(381.044.735.540)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(4.620.657.717)	(5.684.018.216)
6. Cò tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.000.000.000)	(82.612.796.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.508.332.442.443	40.156.992.475
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.262.468.920.202	(3.323.441.132)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		92.732.327.324	95.158.324.826
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			897.443.630
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.355.201.247.526	92.732.327.323

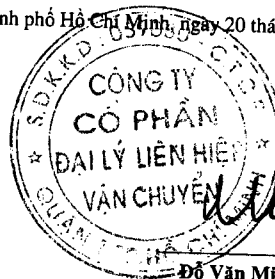
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2010



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại.
 - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không.
 - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan.
 - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác.
 - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics.
 - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên.
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản.
 - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát..
 - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác.
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính cho Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2010 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Các chi nhánh, phòng đại lý và các phòng ban liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm tập hợp số liệu ban đầu và thống kê; định kỳ các dữ liệu được chuyển về Văn phòng Công ty để Phòng Kế toán hạch toán, tổng hợp ghi sổ và lập Báo cáo tài chính. Riêng chi nhánh Campuchia hạch toán độc lập và Báo cáo tài chính sẽ được tổng hợp vào cuối năm.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

9. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Tiền thu từ việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu được Công ty ghi nhận giảm vào giá trị của khoản đầu tư.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ không quá 2 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
: 26.963 VND/EUR

30/09/2010 : 18.932 VND/USD
: 26.578 VND/EUR

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.928.921.628	6.056.728.672
Tiền gửi ngân hàng	253.305.277.898	86.077.597.568
Tiền đang chuyển	-	598.001.084
Các khoản tương đương tiền (*)	1.091.967.048.000	-
Cộng	<u>1.355.201.247.526</u>	<u>92.732.327.324</u>

(*): Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	266.612.822.696	161.059.731.211
Chứng chỉ Quỹ đầu tư cân bằng Prudential	4.778.730.000	4.778.730.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	19.760.704.466	4.680.660.294
Cộng	<u>291.152.257.162</u>	<u>170.519.121.505</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư các cổ phiếu đang giao dịch trên thị trường chính thức.

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng cho hoạt động đại lý tàu biển	15.629.152.211	11.990.812.451
Phải thu khách hàng hoạt động khai thác vận tải	129.351.689.755	122.616.654.035
Phải thu khách hàng dịch vụ cho thuê tài sản	21.940.000.005	71.945.961.735
Phải thu khách hàng dịch vụ khai thác cảng, bãi container và các dịch vụ khác	79.154.427.000	82.072.009.878
Cộng	<u>246.075.268.971</u>	<u>288.625.438.099</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Cảng kỹ thuật biển	1.273.160.900	1.273.160.900
Công ty tư vấn xây dựng cảng đường thủy	1.250.000.000	1.250.000.000
Xí nghiệp liên hợp Ba Son	7.101.105.140	-
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	38.000.000.000	-
Các khoản ứng trước khác	26.691.703.467	2.441.599.744
Cộng	<u>74.315.969.507</u>	<u>4.964.760.644</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	21.897.252.977	20.314.027.551
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.968.000.000	3.968.000.000
Phải thu về các khoản cho cá nhân ngoài Công ty mượn	-	-
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	119.445.299.402	80.318.841.463
Lãi dự thu công trái, trái phiếu chính phủ	-	3.540.000
Phải thu khác	39.189.391.514	28.580.397.622
Cộng	184.499.943.893	133.184.806.636

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Biên Nam Á	333.125.000	333.125.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyễn Trần	190.500.000	190.500.000
Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N	14.091.000	14.091.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84.500.000	84.500.000
Công ty dầu thực vật Bình An	33.663.006	33.663.006
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000
Vinatrans Regional Container Lines	12.655.566	12.655.566
Nguyễn Đức Hùng (Chi nhánh Hà Nội)	140.112.750	140.112.750
Cộng	829.059.322	829.059.322

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhiên liệu tồn trên tàu	25.592.994.229	27.856.801.618
Cộng	25.592.994.229	27.856.801.618

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí sửa chữa tàu	1.541.527.749	4.358.909.980	4.723.333.116	1.177.104.613
Chi phí khác	761.774.055	35.603.703.752	26.433.942.768	9.931.535.039
Cộng	2.303.301.804	39.962.613.732	31.157.275.884	11.108.639.652

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	16.956.049.742	14.146.787.783
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	104.201.485.386	53.820.888.636
Cộng	121.157.535.128	67.967.676.419

11. Phải thu dài hạn khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ	5.800.000.000	5.800.000.000
Công ty TNHH Sông Hằng	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương	18.000.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	20.500.000.000	
Công ty cổ phần Gemalink	190.950.000.000	
Cộng	<u>254.250.000.000</u>	<u>24.800.000.000</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	81.370.179.487	107.611.584.016	921.475.193.868	11.966.374.642	1.122.423.332.013
<i>Tăng trong năm</i>			<i>3.302.355.964</i>	<i>549.070.304</i>	<i>3.851.426.268</i>
<i>Giảm trong năm</i>	<i>(5.011.964.654)</i>	<i>(33.241.600)</i>	<i>(7.424.918.897)</i>		<i>(12.470.125.151)</i>
Số cuối năm	<u>76.358.214.833</u>	<u>107.578.342.416</u>	<u>917.352.630.935</u>	<u>12.515.444.946</u>	<u>1.113.804.633.130</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	32.163.345.291	71.451.539.870	297.226.531.484	7.386.825.091	408.228.241.736
<i>Tăng trong năm</i>	<i>1.751.713.614</i>	<i>6.931.534.287</i>	<i>47.352.299.207</i>	<i>1.859.707.146</i>	<i>57.895.254.254</i>
<i>Giảm trong năm</i>	<i>(2.506.157.398)</i>	<i>(32.679.694)</i>	<i>(4.994.743.780)</i>		<i>(7.533.580.872)</i>
Số cuối năm	<u>31.408.901.507</u>	<u>78.350.394.463</u>	<u>339.584.086.911</u>	<u>9.246.532.237</u>	<u>458.589.915.118</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>49.206.834.196</u>	<u>36.160.044.146</u>	<u>624.248.662.384</u>	<u>4.579.549.551</u>	<u>714.195.090.277</u>
Số cuối năm	<u>44.949.313.326</u>	<u>29.227.947.953</u>	<u>577.768.544.024</u>	<u>3.268.912.709</u>	<u>655.214.718.012</u>

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, thành phố Đà Nẵng chưa được xác định.
- Giá trị quyền sử dụng đất thuê của lô đất tại số 276A Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	23.890.768.666	12.659.212.093	11.231.556.573
Tăng trong kỳ	-	2.973.538.305	
Số cuối kỳ	23.890.768.666	15.632.750.398	8.258.018.268

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.704.213.410	9.450.038.457	20.154.251.867
Tăng trong kỳ	-	286.425.000	286.425.000
Giảm trong kỳ	3.351.730.000	-	3.351.730.000
Số cuối kỳ	7.352.483.410	9.736.463.457	17.088.946.867
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.075.451.532	1.075.451.532
Khấu hao trong kỳ	-	786.079.981	786.079.981
Số cuối kỳ	-	1.861.531.513	1.861.531.513
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.704.213.410	8.374.586.925	19.078.800.335
Số cuối kỳ	7.352.483.410	7.874.931.944	15.227.415.354

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<u>Tên tài sản</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phần mềm GSS	630.000.000	630.000.000
Cầu Liebherr	12.248.576.543	-
Sà Lan2200T - SESCO.S135	86.000.000	-
Khu bắc Rạch Chiếc	21.504.054.060	20.404.054.061
DA Phú Thuận Quận 7	125.768.883	119.028.883
DA Container Bãi Cháy	179.643.600	179.643.600
DA Cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	2.694.479.091
DA Khu công nghệ cao GMD	3.658.444.173	3.658.444.173
DA Khác	753.997.445	753.997.445
	41.880.963.795	28.439.647.253

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	278.948.439.795	16.736.906.388	262.211.533.407
Tăng trong kỳ	500.000.000	8.644.236.188	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số cuối kỳ	<u>279.448.439.795</u>	<u>25.381.142.576</u>	<u>254.067.297.219</u>

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	<u>82.695.958.701</u>	<u>122.358.314.923</u>
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	<u>26.929.616.275</u>	<u>35.318.915.368</u>

17. Đầu tư vào công ty con

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</u>		<u>Vốn đầu tư (VND)</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	66,20	66,20	33.100.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	5.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000
Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	9,43	6.600.000.000
Công ty TNHH Cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	58,55	58.548.611.134
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	30,22	70.502.632.118
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	22,04	23.924.332.310
Công ty cổ phần Sư Từ Chúa (*)	5,00	5,00	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ (**)	26,00	26,00	15.600.000.000
Cộng			473.226.376.362

(*) Công ty cổ phần Gemadept góp vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần Sư Từ Chúa với tỷ lệ 5% và Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M, Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần Gemadept, góp vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần Sư Từ Chúa với tỷ lệ 50%.

(**) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 25. Mặt khác, Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 52%.

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000
MBN-GMD VIETNAM	34,00	34,00	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	29,00	29,00	32.206.940.000
Công ty cổ phần Cảng Nam Hải	30,00	30,00	27.596.000.000
Công ty cổ phần Du Lịch Minh Đạm	40,00	10,20	18.264.608.143
Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.682.010.000
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	49,00	49,00	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	23,00	19,27	69.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam	49,00	49,00	2.319.909.000
Công ty TNHH Kho lạnh Gemadept - LCL	49,00	35,52	2.781.857.430
Cộng			272.772.049.573

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	236.699.949.600	350.952.740.000
Đầu tư trái phiếu, công trái	-	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác	35.911.901.494	17.401.131.494
Cộng	272.611.851.094	368.363.871.494

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn và các khoản lỗ của công ty con, công ty liên kết.

21. Chi phí trả trước dài hạn

	Kết chuyển vào chi phí SXKD		
	Số đầu năm	trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí trả trước dài hạn	7.352.471.254	5.608.032.881	1.744.438.373
Cộng	7.352.471.254	5.608.032.881	1.744.438.373

22. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản ký quỹ, cầm cố dài hạn	36.867.107.120	37.079.412.120
Cộng	36.867.107.120	37.079.412.120

23. Vay và nợ ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các ngân hàng	542.640.395.441	154.985.144.986
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	137.815.685.194	71.810.659.687
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	27.582.560.247	64.698.683.354
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ	24.292.150.000	18.475.801.945
- Ngân hàng công thương – Chi nhánh 7	190.950.000.000	-
- Ngân hàng HSBC – Chi nhánh Sài Gòn	162.000.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	363.000.000	414.020.578
- Công ty chứng khoán ISC	-	51.020.578
- Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	363.000.000	363.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33)	13.805.000.000	43.220.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	6.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng Indovina	5.625.000.000	22.500.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	2.180.000.000	8.720.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.33)	1.379.045.416	5.999.703.133
Cộng	558.187.440.857	204.618.868.697

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn các ngân hàng	154.985.144.986	625.909.580.170			238.254.329.715	542.640.395.441
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	414.020.578				51.020.578	363.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	43.220.000.000				29.415.000.000	13.805.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.999.703.133				4.620.657.717	1.379.045.416
Cộng	204.618.868.697	625.909.580.170			272.341.008.010	558.187.440.857

24. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	132.680.131.883	131.292.107.654
Cộng	132.680.131.883	131.292.107.654

25. Người mua trả tiền trước

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	5.242.467.433	6.432.850.116
Doanh thu chưa thực hiện	4.081.284.280	4.385.758.257
Cộng	9.323.751.713	10.818.608.373

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.620.381.691	1.104.945.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.609.983.503	3.341.322.781
Thuế thu nhập cá nhân	212.768.509	386.190.074
Các loại thuế khác	1.929.236.261	2.101.560.924
- Thuế môn bài	-	(3.000.000)
- Thuế cưóc	1.020.223.390	335.423.194
- Thuế nhà thầu	909.012.871	1.769.137.730
Cộng	7.372.369.964	6.934.019.243

27. Phải trả người lao động		
Tiền lương và thưởng còn phải trả cho công nhân viên.		

28. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	7.628.042.623	1.548.111.991
Chi phí phải trả khác	9.516.856.303	36.009.056.352
Cộng	17.144.898.926	37.557.168.343

29. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.498.878.221	2.806.047.700
BHXH, BHYT, BHTN	2.484.472.596	952.838.144
Cổ tức phải trả	65.246.600	1.065.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	722.404.250	1.431.343.999
Tài sản thừa chờ xử lý	954.169.882	1.554.897.428
Các khoản phải trả khác	211.663.036.776	189.022.081.129
Cộng	217.388.208.325	196.832.455.000

Chi tiết các khoản phải trả khác:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	4.833.572.003	14.353.143.085
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	40.730.922.694	137.410.921.923
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển	1.716.241.909	1.716.241.909
Phải trả Công ty cổ phần đầu tư tài chính công đoàn dầu khí Việt Nam theo hợp đồng mua bán		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
chứng khoán có kỳ hạn số 25/HĐMB//2010/PVFI-LPL ngày 31/05/2010	126.511.596.514	
Các khoản phải trả khác	37.870.703.656	35.541.774.212
Cộng	211.663.036.776	189.022.081.129

30. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi trong kỳ</u>	<u>Hoàn nhập dự phòng</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển	1.648.316.717	-	1.648.316.717	-
Cộng	1.648.316.717	-	1.648.316.717	-

31. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	23.255.334.552	24.531.675.907
Cộng	23.255.334.552	24.531.675.907

32. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	201.342.045.000	201.342.045.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	84.000.000.000	84.000.000.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	95.625.000.000	95.625.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	21.717.045.000	21.717.045.000
Thuê tài chính 80 containers của Seacastle Container Leasing, thời hạn 5 năm	5.330.256.747	5.330.256.747
Cộng	206.672.301.747	206.672.301.747

33. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	475.000.000.000	474.398.510.000		949.398.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.366.907.462.400	685.986.018.000		2.052.893.480.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902			69.388.382.902
Quỹ dự phòng tài chính	13.410.665.221	10.354.491.642		23.765.156.863
Quỹ khác thuộc vốn chủ	10.296.600.315	10.354.491.641		20.651.091.956

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
sở hữu				
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	2.790.944.659		2.790.944.659
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	151.364.805.484	91.643.306.120	37.276.169.911	205.731.941.694
Cộng	2.086.367.916.322	1.275.527.762.062	37.276.169.911	3.324.619.508.474

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	47.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	94.939.851	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.939.851	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để :

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

34. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	4.835.098.169	-	360.000.000	4.475.098.169
Quỹ phúc lợi	(1.833.339.751)	10.354.491.642	2.405.098.394	6.116.053.497
Quỹ đào tạo	(17.621.218)	-	186.500.000	(204.121.218)
Quỹ khen thưởng, khuyến khích sản xuất	505.584.000			505.584.000
Quỹ hỗ trợ chính sách	(86.588.307)			(86.588.307)
Quỹ Hội đồng quản trị	-	6.212.694.985	1.642.480.393	4.570.214.592
Cộng	3.403.132.893	16.567.186.627	4.594.078.787	15.376.240.733

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>
- Doanh thu dịch vụ vận tải	924.697.475.536
- Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	82.695.958.701
- Doanh thu đại lý và logistic	76.900.695.481
Doanh thu thuần	<u>1.084.294.129.718</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>
- Giá vốn dịch vụ vận tải	904.854.580.331
- Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	26.929.616.275
- Giá vốn đại lý và logistic	55.297.356.070
Cộng	<u>987.081.552.676</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.400.255.073
Lãi đầu tư chứng khoán	40.567.182.547
Lãi góp vốn liên doanh, liên kết, cổ tức và lợi nhuận được chia	56.383.565.257
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.053.406.800
Cộng	<u>119.404.409.677</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí lãi vay	52.852.935.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.395.919.696
Lỗ đầu tư chứng khoán	14.606.344.652
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	15.617.995.257
Cộng	<u>109.473.195.159</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí lương nhân viên quản lý	20.852.442.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.155.690.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.470.965.057
Chi phí khác	9.918.697.834
Cộng	<u>43.397.795.570</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>
Thanh lý tài sản cố định	41.188.932.983

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ này
Thu nhập khác	3.295.404.582
Cộng	44.484.337.565
7. Chi phí khác	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	6.052.925.209
Chi phí khác	429.000.811
Cộng	6.481.926.020
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	304.534.395.947
Chi phí nhân công	63.655.074.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.573.657.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	575.700.794.037
Chi phí khác	16.633.146.455
Cộng	1.031.097.068.521

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản, nợ tiềm tàng

Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất thuê của lô đất diện tích 1.112,60 m² tại số 276A Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 12/2007/HĐCN ngày 30 tháng 8 năm 2007 với Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển. Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển đang làm thủ tục giải thể và chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng lô đất nêu trên cho Công ty. Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này tuy nhiên khả năng Công ty sẽ phải thanh toán các khoản thuế liên quan để có được quyền sở hữu lô đất nêu trên.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tính đến thời điểm ngày 06 tháng 10 năm 2010, Công ty Cổ phần Gemadept đã hoàn thành đợt phát hành nâng vốn điều lệ lên 1.000 tỉ đồng theo giấy chứng nhận chào bán chứng khoán số 606/UBCK-GCN do chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09/07/2010.

Theo báo cáo vốn chủ sở hữu đã kiểm toán ngày 06 tháng 10 năm 2010 như sau :

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 06 tháng 10 năm 2010

ĐVT: VND

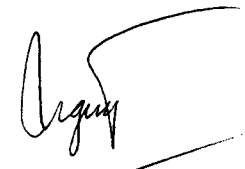
STT	Khoản mục	Số tiền
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ)	1.000.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	2.169.160.586.400
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902
4.	Cổ phiếu quỹ	-
	Cộng	3.238.548.969.302

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, các công ty trong Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2010


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc